TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2026
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhi

Bà H Loan Uông.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1995; CCCD: 046195014977

Địa chỉ: Thôn 17, xã K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Lê Phạm Đình B, sinh năm 1976; CCCD: 066076008227

Địa chỉ: Số nhà 09 Hoàng Diệu, Khu phố 3, xã S, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị T trình bày:*

Tôi và ông Lê Phạm Đình B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk (Nay là: Ủy ban nhân dân xã E K, tỉnh Đắk Lắk). Trong khoảng thời gian chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đôi khi có xô xát ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Biên nên chúng tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho chúng tôi

thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Lê Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 24/02/2020. Chúng tôi thống nhất giao cháu Quỳnh Hương cho tôi là bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành.

- Về trợ cấp nuôi con chung: Tôi đồng ý theo đề xuất của ông Biên là cấp dưỡng cho cháu Hương số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2026 và Bản tự khai ông Lê Phạm Đình B trình bày như sau:

Tôi và bà Phan Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tih, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (Nay là: Ủy ban nhân dân xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk) như bà Phan Thị T đã trình bày là đúng. Trong khoảng thời gian chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân mà không thể hàn gắn được, không còn dành cho nhau sự tôn trọng, yêu thương. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên chúng tôi quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 24/02/2020. Chúng tôi thống nhất giao cháu Quỳnh Hương cho mẹ là bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Tôi đồng ý cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Phạm

Đình B với bà Phan Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 24/02/2020 cho bà Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Lê Phạm Đình B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phạm Quỳnh Hương, sinh ngày 24/02/2020 với số tiền 3.000.000 đồng/tháng *(Ba triệu đồng một tháng*) đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Lê Phạm Đình B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Lê Phạm Đình B và bà Phan Thị T gửi Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Tuy nhiên quá trình tham gia tố tụng ông Lê Phạm Đình B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Biên cố tình vắng mặt nên không giải quyết yêu cầu của đương sự bằng việc hôn nhân gia đình. Sau đó Tòa án đã đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn mà chuyển sang giải quyết bằng vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Cả ông Lê Phạm Đình B bà Phan Thị T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là đúng.

[3] Về nội dung:

Bà Phan Thị T và ông Lê Phạm Đình B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tih, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông Biên và bà Thúy đều cho rằng trong khoảng thời gian chung sống thì hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân mà không thể hàn gắn được, không còn dành cho nhau sự tôn trọng, yêu thương. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên ông bà quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Phạm Đình B và bà Phan Thị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Phạm Đình B với bà Phan Thị T. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nên để đảm bảo quyền kháng cáo cho các đương sự HĐXX cần tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Quỳnh H, sinh ngày 24/02/2020 cho bà Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Phạm Đình B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức là 3.000.000

đồng/tháng *(Ba triệu đồng một tháng*) cho đến khi cháu Hương đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Phan Thị T và ông Lê Phạm Đình B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Phạm Đình B với bà Phan Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Quỳnh H, sinh ngày 24/02/2020 cho bà Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Cháu đến tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Phạm Đình B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phạm Quỳnh Hương số tiền 3.000.000 đồng/tháng *(Ba triệu đồng một tháng*), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Cháu tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001475 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Lê Phạm Đình B phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 6 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ LỢI